

TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH VIỆT NAM

Lê Bằng Việt*

Tóm tắt

Thị trường tài chính đóng vai trò quan trọng trong quá trình tái cơ cấu, phát triển kinh tế của Việt Nam. Sau thời gian sắp xếp, củng cố và triển khai những hành động cụ thể nhằm tái cơ cấu hệ thống ngân hàng, thị trường tài chính đang dần được xây dựng và củng cố để đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng cao. Bài viết tập trung tổng quan, đánh giá thị trường tài chính hiện nay và đưa ra một số định hướng khuyến nghị nhằm thúc đẩy sự phát triển của thị trường này trong thời gian tới.

Từ khóa: Thị trường tài chính, hệ thống giám sát tài chính, phát triển.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng ghi nhận kể từ khi chuyển đổi từ một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung vào giữa những năm 1980. Chính sách đổi mới kinh tế năm 1986 đã đánh dấu sự chuyển đổi từ một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang một nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường hơn với các định chế tài chính và phi tài chính tư nhân tham gia nhiều hơn. Những cải cách này đã góp phần tạo ra kết quả ấn tượng trong vòng hai thập niên vừa qua, kể từ năm 1990 mức tăng trưởng GDP hàng năm đạt trên 7% và thu nhập bình quân đầu người đã tăng lên gấp ba lần.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây kinh tế Việt Nam tăng trưởng chậm lại và đã bộc lộ những dấu hiệu khó khăn về tài chính và doanh nghiệp. Một vài phân khúc của khu vực doanh nghiệp có kết quả kinh doanh nghèo nàn, gặp khó khăn về tài chính và đã ảnh hưởng đến sức khỏe của hệ thống ngân hàng. Một số doanh nghiệp nhà nước lớn đã mất khả năng thanh toán nợ và một số khác có biểu hiện vay nợ quá mức. Hệ thống ngân hàng đã tích tụ một lượng lớn nợ xấu được ước tính một cách thận trọng là 12% trên tổng dư nợ tại thời điểm cuối năm 2012.

Trong cùng giai đoạn đó, nhiều ngân hàng nhỏ đã có vấn đề về thanh khoản và khả năng thanh toán ở mức độ nghiêm trọng hơn, dẫn đến việc

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải can thiệp. Có thể nói, thực trạng yếu kém của thị trường tài chính Việt Nam thời gian qua đã đặt ra nhu cầu tất yếu cần phải khôi phục hoạt động của thị trường tài chính lên một bước mới nhằm đáp ứng cho nhu cầu phát triển của nền kinh tế Việt Nam thời gian tới.

2. Tổng quan thị trường tài chính Việt Nam hiện nay**a. Cấu trúc, quy mô thị trường**

** Thị trường tài chính (TTTC) chưa phát triển đồng bộ về cơ cấu, chưa đồng đều về trình độ giữa các bộ phận hợp thành.*

Có thể nói, ở nước ta cho đến nay, dường như còn chưa có TTTC thực sự với đầy đủ hình hài, bộ phận cần có như TTTC ở các nước khu vực có nền kinh tế thị trường phát triển. Các hoạt động trên TTTC ở nước ta mới chỉ tập trung vào thị trường vốn ngắn hạn, chưa nhiều các hoạt động trên thị trường vốn dài hạn. Hơn nữa, trong thị trường vốn ngắn hạn cũng chủ yếu mới chỉ tập trung ở một số hoạt động huy động và cho vay tín dụng thông thường của các ngân hàng thương mại Nhà nước, còn ở thị trường vốn dài hạn mới chỉ tập trung ở các hoạt động vay nợ dài hạn của Chính Phủ hoặc doanh nghiệp Nhà nước. Thị trường chứng khoán không có trung gian tài chính, chưa bình thành với tư cách một thị trường đúng nghĩa, chưa được mở rộng trên cả nước. Cho đến nay, mới chỉ có 1 trung tâm giao dịch chứng khoán ở Thành phố Hồ Chí Minh, với 21 công ty niêm yết với tổng giá trị cổ phiếu tương đương 130 triệu USD, tức chưa đến 2% GDP cả nước năm 2002. Tổng cộng mới chỉ có 11 công ty chứng khoán, 6 công ty kiểm toán, 3 ngân hàng lưu ký nước ngoài được thừa nhận về tư cách pháp lý phục vụ cho 21 công ty niêm yết nói trên và 13.000 tài khoản đầu tư thông kê được đặt tại các công ty chứng khoán và chỉ khoảng 1/4 số tài khoản này là hoạt động thực sự (trong đó tài khoản của các nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư có tổ chức rất ít). Đó là chưa kể chỉ số chứng khoán Việt Nam (Việt Nam

* Lê Bằng Việt, Thạc sĩ, Đại học Hải Phòng.

Index) hiện đã giảm còn chừng 1/3 so với đỉnh điểm (khoảng 150 điểm vào giữa tháng 7/2003 so với 571 điểm ngày 25/6/2001). Thị trường chứng khoán (TTCK) chỉ mới hình thành và phát triển trong hơn một thập kỷ nhưng đã xây dựng được khuôn khổ pháp lý, cơ cấu và quy mô thị trường khá đầy đủ, phù hợp với các thông lệ quốc tế.

** Quy mô thị trường còn nhỏ, các hàng hoá và dịch vụ tài chính còn nghèo nàn, đơn giản và tính chuyên nghiệp chưa cao.*

Số liệu đầy đủ để đánh giá tổng quát quy mô thị trường tài chính của nước ta cả về tổng thể, cũng như từng bộ phận còn không đầy đủ, song có thể cảm nhận thấy sự khiêm tốn của chúng qua số lượng và quy mô vốn điều lệ, cũng như khả năng thanh toán của các ngân hàng, công ty tài chính và các cơ sở kinh doanh khác đang hoạt động trong lĩnh vực tài chính. Hiện tại, trên địa bàn thủ đô Hà Nội - trung tâm tài chính hàng đầu của cả nước 113 các tổ chức tài chính, tín dụng hoạt động, bao gồm 67 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng, 2 công ty tài chính, 6 công ty cho thuê tài chính, 9 công ty chứng khoán, 9 quỹ tín dụng nhân dân và 5 quỹ tài chính nhà nước. Các ngân hàng và công ty bảo hiểm quốc doanh lớn nhất nước ta cũng mới chỉ cung cấp chừng 60 sản phẩm dịch vụ cho các khách hàng so với mức 200 - 600 sản phẩm dịch vụ đa dạng và linh hoạt của các ngân hàng và công ty bảo hiểm trung bình ở các nước phát triển trên thế giới. Đa số dân cư và phần lớn các hoạt động kinh tế - xã hội của đất nước còn nằm ngoài "vùng phủ sóng" của các dịch vụ thị trường tài chính; nhiều doanh nghiệp đang khát vốn kinh doanh, trong khi thiếu cơ chế và công cụ hiệu quả khai thông nguồn vốn "chết" trong dân, trong các ngân hàng... Tính chuyên nghiệp và năng động của các nhân viên và cơ sở kinh doanh tín dụng "đen" hoặc tư nhân ở góc độ nào đó đang tỏ ra hiệu quả hơn so với các cơ sở tín dụng quốc doanh.

** Thị trường tài chính còn tập trung vào "sân chơi" và đối tác thuộc khu vực kinh tế Nhà nước, chưa có sự liên thông và mở rộng trong cả nước cũng như với nước ngoài.*

Có thể nhận thấy trong bức tranh chung hoạt động của thị trường tài chính ở nước ta, các

điểm sáng và đầu mối cung - cầu lớn nhất, các công cụ tài chính quan trọng nhất, dường như đều tập trung trong sân chơi giữa các đối tác thuộc khu vực kinh tế Nhà nước với nhau hoặc huy động vốn từ xã hội, nhưng lại đầu tư cho khu vực kinh tế này, và ước tính có lẽ chiếm không dưới 80% tổng giá trị các giao dịch hiện hành trên thị trường tài chính nước ta.

Các ngân hàng, cơ sở kinh doanh tài chính tư nhân và các đối tượng vay vốn tư nhân còn chiếm tỷ lệ khiêm tốn. Rất nhiều doanh nghiệp tư nhân ở nước ta đang gặp khó khăn trong tiếp cận các dịch vụ tài chính - ngân hàng do thiếu tài sản thế chấp, thiếu dự án kinh doanh "khả thi", thiếu thông tin cần thiết, thiếu sự thấu hiểu và tận tụy của ngân hàng hoặc đơn giản chỉ là do chưa quen vì chưa từng được hưởng các dịch vụ tài chính này...

** Thị trường tài chính hoạt động chưa mang tính thị trường cao và chưa gắn đồng bộ với các thị trường khác trong nền kinh tế.*

Rất nhiều ngân hàng, công ty tài chính vẫn còn mang dáng dấp và phong cách kinh doanh của thời bao cấp. Hơn nữa, do còn một số bất cập trong khung pháp lý về hoạt động, do tập trung vào các đối tác thuộc khu vực kinh tế Nhà nước, nên các nguyên tắc kinh doanh thị trường nhiều khi được thực hiện một cách ước lệ, hình thức. Dòng vốn xã hội, thông qua TTTC, vẫn chưa được thực sự chảy đến những nơi cần đến và tuân theo tín hiệu, nguyên tắc thị trường. Tính cạnh tranh thị trường giữa các ngân hàng mới được khởi động gần đây, từ khi Ngân hàng Nhà nước áp dụng chế độ lãi suất cơ bản và bãi bỏ kiểm soát lãi suất... Nợ quá hạn, khó đòi của nhiều ngân hàng còn cao hơn ngân hàng chịu sức ép "cho vay chính sách", còn các đối tác được vay thì sẵn tâm lý xin hỗ trợ chính sách càng nhiều càng tốt...

Hơn nữa, thị trường tài chính dường như còn hoạt động một cách đơn độc, thiếu gắn kết đồng bộ với nhiều thị trường và các hoạt động kinh tế - xã hội lớn khác. Chẳng hạn, thị trường chứng khoán còn thờ ơ với quá trình cổ phần hoá DNNN; hoặc thị trường tiền tệ trong nước còn khá "lãnh đạm" với thị trường tài chính quốc tế... Những rủi ro phi thị trường còn lớn đối với các hoạt động kinh doanh trên thị trường tài

chính, nhất là thị trường chứng khoán (do thông tin cổ phiếu thiếu về số lượng, không đảm bảo về chất lượng hoặc không kịp thời...).

** Thị trường tài chính đang từng bước được xây dựng, củng cố và phát triển phù hợp quá trình chuyển đổi cơ chế và đáp ứng các cam kết hội nhập và thống lệ quốc tế.*

Đây đã, đang và sẽ còn là đặc điểm lớn nhất bao trùm, xuyên suốt, chi phối và định hướng toàn bộ quá trình vận động của thị trường tài chính Việt Nam. Cùng với sự chuyển biến về nhận thức và sự hoàn thiện cơ chế thị trường mở nói chung, hệ thống pháp lý kinh tế nói riêng, thị trường tài chính Việt Nam sẽ ngày càng được củng cố và phát triển vững chắc, an toàn và hiệu quả hơn cả về bề rộng lẫn bề sâu. Các bộ phận thị trường trong hệ thống thị trường tài chính sẽ tiếp tục mở rộng về quy mô, tăng thêm các công cụ, dịch vụ chuyên nghiệp, phân nhánh chi tiết và rõ nét hơn các bộ phận thị trường chuyên biệt (ví dụ, thị trường cổ phiếu doanh nghiệp sẽ phân thành thị trường cổ phiếu của nhóm doanh nghiệp cơ khí, nhóm doanh nghiệp may mặc, nhóm doanh nghiệp giấy...). Kiến thức, tâm lý và thông tin về thị trường tài chính sẽ được củng cố, cải thiện cả về phía bên cung lẫn bên cầu, cũng như bên trung gian và toàn xã hội, tạo thuận lợi cho hoạt động của thị trường tài chính. Đặc biệt, thị trường tài chính Việt Nam sẽ ngày càng được kết nối đồng bộ với các thị trường khác trong nền kinh tế, được liên thông với thị trường tài chính quốc tế và thu hút ngày càng rộng rãi hơn và phục vụ ngày càng có chất lượng, hiệu quả hơn mọi thành viên, đối tác và các hoạt động kinh tế - xã hội đất nước.

b. Hệ thống ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính tham gia trên thị trường

Hiện nay, đang có 01 Ngân hàng thương mại (NHTM) Nhà nước là Agribank, 04 ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Nhà nước chiếm cổ phần chi phối gồm Vietcombank, Vietinbank, BIDV, MHB; 34 ngân hàng TMCP; 01 Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương (TDND), 968 Quỹ TDND cơ sở, 2 TCTC vi mô; 04 ngân hàng liên doanh; 50 chi nhánh ngân hàng nước ngoài; 5 ngân hàng 100% vốn nước ngoài; 49 văn phòng đại diện của các ngân hàng nước ngoài; 18 công ty tài chính và 12 công ty cho

thuê tài chính.

Theo NHNN, đến 31/12/2014 tổng tài sản của toàn hệ thống các TCTD đạt 6.514.900 tỷ đồng, tăng 12,2% so với cuối năm 2013; Trong đó dẫn đầu về giá trị tổng tài sản là khối NHTM Nhà nước, đạt 2.876.174 tỷ đồng vào cuối năm 2014, tăng 14,82% so với cuối năm 2013. Đứng thứ hai là khối NHTMCP với 2.780.976 tỷ đồng, tăng 13,1%. Xếp thứ ba là khối Ngân hàng liên doanh, nước ngoài với giá trị tổng tài sản 701.986 tỷ đồng; tuy nhiên nếu so với cuối năm 2013, tổng tài sản của khối này vẫn giảm 0,42%.

Đáng chú ý là tổng tài sản của khối công ty tài chính, cho thuê cũng đã tăng trở lại (tăng 4,94%), đạt 66.673 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2014, sau khi đã giảm mạnh tới 57,76% trong năm 2013.

Trong năm qua, vốn tự có của hệ thống các TCTD cũng tăng 4,36% đạt 496.573 tỷ đồng vào cuối năm 2014. Trong đó dẫn đầu là khối NHTMCP với 203.154 tỷ đồng, tăng 5,71%. Đứng thứ hai là khối NHTM Nhà nước với 169.696 tỷ đồng, tăng 1,87%. Xếp thứ ba là khối ngân hàng liên doanh, nước ngoài với 106.004 tỷ đồng, tăng 5,76%.

Tính đến cuối năm 2014, vốn điều lệ của toàn hệ thống đạt 435.649 tỷ đồng, tăng 3,29% so với cuối năm 2013. Dẫn đầu về vốn điều lệ vẫn là khối NHTMCP với 191.115 tỷ đồng, tăng 1,1%. Đứng thứ hai là khối NHTM Nhà nước với 134.206 tỷ đồng, tăng 4,77%. Xếp thứ ba vẫn là khối Ngân hàng liên doanh, nước ngoài với 86.625 tỷ đồng, tăng 6,25%.

Song nếu xét về tốc độ tăng thì Ngân hàng hợp tác lại dẫn đầu khi vốn điều lệ tăng tới 12,94%, đạt 4.831 tỷ đồng vào cuối năm 2014. Đứng thứ hai là khối Ngân hàng liên doanh, nước ngoài; còn khối NHTM Nhà nước đứng thứ ba.

Về lãi suất, từ năm 2013 đến nay, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã nhiều lần điều chỉnh các mức lãi suất điều hành để hạ mặt bằng lãi suất cho vay của NHTM và giúp các DN có thể tiếp cận vốn. Ở thời điểm hiện tại, trần lãi suất huy động vốn được quy định ở mức 6% đối với tiền gửi dưới 6 tháng. Theo đó, các mức lãi suất cho vay được thị trường điều chỉnh tương ứng ở mức khoảng 8,5-10% tùy theo đối tượng khách

hàng.

Về điều hành tỷ giá và giá vàng, NHNN đã và đang thực hiện điều hành linh hoạt tỷ giá, đảm bảo tính ổn định và có dự báo trước đối với thị trường ngoại hối. Tỷ giá bình quân liên ngân hàng hiện ở mức 21.246 VND/USD và tỷ giá mua bán VND/USD tại các NHTM vào khoảng 21.300 - 21.360 VND/USD. Đối với nghiệp vụ quản lý hoạt động kinh doanh vàng, ngày 03/04/2012, Chính phủ ban hành Nghị định 24/2012/NĐ-CP, trong đó quy định Nhà nước độc quyền sản xuất vàng miếng, xuất và nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng miếng. Theo đó, bắt đầu từ tháng 03/2013, NHNN đã tiến hành 76 phiên đấu thầu vàng với khối lượng chào bán là 1.932.000 lượng và trúng thầu là 1.819.900 lượng, giá trị khoảng 71,3 nghìn tỷ đồng. Cùng với việc thắt chặt tín dụng ngoại tệ, hoạt động đấu thầu và điều hành thị trường vàng đã có kết quả tích cực trong việc giảm đáng kể tình trạng vàng hóa, đó là hóa nền kinh tế; Tạo điều kiện thuận lợi cho NHNN điều hành chính sách tiền tệ theo mục tiêu duy trì ổn định giá trị tiền đồng và lạm phát.

Các ngân hàng thương mại: Ở Việt Nam, tính đến đầu năm 2014, có 5 ngân hàng thương mại quốc doanh (trong đó 4 ngân hàng đã cổ phần hóa nhưng Nhà nước vẫn chiếm cổ phần chi phối, còn lại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vẫn chưa được cổ phần hóa) chiếm khoảng 42,8% tổng tài sản, 34 ngân hàng cổ phần chiếm 42,1%, 4 ngân hàng liên doanh và 5 ngân hàng 100% vốn nước ngoài chiếm 11,8%, còn lại khoảng 3,3% tổng tài sản là các tổ chức tín dụng khác.

Ngân hàng chính sách xã hội: Ngân hàng Chính sách Xã hội (VBSP) được thành lập năm 2002 nhằm thực hiện nhiệm vụ cấp tín dụng cho các đối tượng chính sách. Tiền thân của ngân hàng này là Ngân hàng Phục vụ người nghèo được thành lập năm 1995, đặt trong Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Theo Báo cáo Thường niên 2011 của VBSP, tổng tài sản cuối 2012 của ngân hàng đạt 107.447 tỷ đồng, trong đó dư nợ tín dụng là 103.731 tỷ đồng; vốn và các quỹ gần 19.500 tỷ đồng, trong đó vốn điều lệ 10.000 tỷ đồng.

Các công ty tài chính: Tính đến đầu 2014,

Việt Nam có 18 công ty tài chính trực thuộc các tổng công ty lớn với tổng vốn điều lệ đạt hơn 18.000 tỷ đồng. Các công ty tài chính này hoạt động chủ yếu nhằm đề dàn xếp tài chính cho các tổng công ty mà nó trực thuộc. Ngoài ra trước năm 2003 còn có Công ty tài chính Sài Gòn là một đơn vị độc lập không thuộc bất kỳ một tổng công ty nào. Nhưng do những hạn chế của mô hình này hiện đã chuyển thành Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á. Ngoài ra, hiện tại Tổng công ty cổ phần Tài chính Dầu khí (PVFC) thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN) cũng đang dàn xếp các thỏa thuận để hợp nhất với Ngân hàng TMCP Phương Tây (WTB) và dự kiến sẽ có tên là Ngân hàng Đại Chúng.

Các công ty cho thuê tài chính: Việt Nam có 12 công ty cho thuê tài chính với tổng vốn điều lệ khoảng 2.600 tỷ đồng tính đến giữa 2013. Phần lớn các công ty cho thuê tài chính này là thuộc các ngân hàng thương mại, chủ yếu là các ngân hàng quốc doanh. Trong đó, mỗi Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có đến 2 công ty cho thuê tài chính trực thuộc. Nhìn chung hoạt động thuê mua tài chính còn nhiều hạn chế. Tổng số cho thuê của các công ty này có một phần không nhỏ là tài sản của các ngân hàng mẹ thuê.

Các quỹ tín dụng: Đến đầu 2013, Việt Nam có 1 Quỹ Tín dụng nhân dân Trung ương và hơn 1.000 quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Trong khi quy mô của Quỹ Tín dụng nhân dân Trung ương tương đương với một NHTM cổ phần lớn thì quy mô của các quỹ tín dụng nhân dân cơ sở lại rất nhỏ.

Ngoài ra còn một số loại hình tổ chức tài chính khác hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng là các công ty quản lý tài sản, các tổ chức cầm đồ...

Tất cả các tổ chức tín dụng hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng và chịu sự quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tổng dư nợ cho vay của hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam đạt trên 3 triệu tỷ đồng, xấp xỉ 115% GDP. Tổng tài sản của các tổ chức tín dụng đạt gần 5,2 triệu tỷ đồng, với vốn tự có gần 420.000 tỷ đồng, trong đó vốn điều lệ khoảng 394.000 tỷ đồng

c. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các tổ chức hoạt động trên TTCK

Ủy ban chứng khoán nhà nước: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi mới thành lập là cơ quan trực thuộc Chính phủ, năm 2004 chuyển thành cơ quan trực thuộc Bộ tài chính. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có nhiệm vụ chính trong việc tổ chức và giám sát các hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Các công ty chứng khoán: Đến đầu 2013, trên thị trường chứng khoán Việt Nam có 106 công ty chứng khoán hoạt động với chức năng là các tổ chức môi giới trên thị trường chứng khoán như lập các thủ tục phát hành, bảo lãnh phát hành chứng khoán...

Ngân hàng chi định thanh toán: Trên thị trường có 1 ngân hàng chi định thanh toán là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Ngân hàng lưu ký chứng khoán: Việt Nam hiện có 7 ngân hàng lưu ký chứng khoán, trong đó có 6 chi nhánh ngân hàng nước ngoài và 1 ngân hàng Việt Nam (Ngân hàng TMCP Tiên Phong).

Công ty quản lý quỹ đầu tư: Tính đến đầu 2013, có 47 công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đang hoạt động.

Các công ty niêm yết: Tính đến đầu 2013, có trên 700 công ty cổ phần niêm yết trên cả hai sàn chứng khoán trong tổng số hơn 1.033 công ty đại chúng đã đăng ký công bố thông tin với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Về khuôn khổ pháp lý, TTCK được điều chỉnh bởi Luật Chứng khoán năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán năm 2010; Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và các thông tư hướng dẫn đối với các vấn đề của TTCK như niêm yết, giao dịch, công ty chứng khoán, quản lý quỹ, công bố thông tin, hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài.

Về quy mô, cơ cấu thị trường, TTCK hiện có 02 sàn giao dịch chứng khoán với 662 công ty niêm yết, 89 công ty chứng khoán còn hoạt động môi giới, 41 công ty quản lý quỹ và 21 quỹ đầu tư chứng khoán (trong đó có 11 quỹ mở, 8 quỹ thành viên, 20 văn phòng đại diện). Cơ sở các nhà đầu tư trên thị trường đã có sự cải thiện, số lượng tài khoản nhà đầu tư đạt gần 1,4 triệu,

trong đó, so với năm 2013, số lượng nhà đầu tư nước ngoài tăng 10%. Đặc biệt, là nhà đầu tư tổ chức nước ngoài tăng 55%.

Tính đến ngày 08/12/2014, tổng giá trị giao dịch toàn thị trường đạt 1.164 nghìn tỷ đồng, tăng 90% so với năm 2013; giá trị giao dịch bình quân mỗi phiên đạt 5.448 tỷ đồng, trong đó giá trị giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ bình quân mỗi phiên đạt 2.971 tỷ đồng, cao gấp 2,2 lần so với năm 2013.

d. Các công ty bảo hiểm

Các công ty bảo hiểm: Việt Nam hiện có 57 công ty bảo hiểm và môi giới bảo hiểm đang hoạt động tại Việt Nam với tổng tài sản trên 107 nghìn tỷ đồng (2013), trong đó gồm 26 công ty TNHH 1 thành viên, 8 công ty TNHH 2 thành viên trở lên, và 23 công ty cổ phần. Bên cạnh đó còn có sự góp mặt của hơn 32 văn phòng đại diện của các tổ chức bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam.¹

Quy mô thị trường: Quy mô thị trường bảo hiểm Việt Nam tính đến cuối năm 2014 đạt khoảng trên 56,5 nghìn tỷ đồng, trong đó gần 44 nghìn tỷ đồng là doanh thu phí bảo hiểm, còn lại khoảng 12,5 nghìn tỷ là doanh thu đầu tư. Năm 2014, Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ đạt doanh thu 22.757 tỷ đồng tăng trưởng 10,33%, bồi thường đạt 8.873 tỷ đồng, tỉ lệ bồi thường 39%. Dẫn đầu doanh thu khai thác bảo hiểm gốc là Bảo Việt, PVI, Bảo Minh, PJICO; trong khi các doanh nghiệp tăng trưởng doanh thu cao là Cathay (138,34%), Samsung Vina (66,80%), PTI (53,27%), ACE (48,19%). Về bảo hiểm nhân thọ, tổng số lượng hợp đồng có hiệu lực cuối 2014 là 4.764.108 hợp đồng. Các doanh nghiệp có số lượng hợp đồng có hiệu lực lớn là Prudential (2.016.855 hợp đồng), Bảo Việt Nhân thọ (1.275.369 hợp đồng), Manulife (390.571 hợp đồng).

e. Một số loại hình tổ chức tài chính khác

Quỹ lương hưu: Đến nay, Việt Nam chưa có quỹ lương hưu, nhưng có một quỹ rất lớn đó là bảo hiểm xã hội Việt Nam. Phần thặng dư của Bảo hiểm xã hội Việt Nam chủ yếu chuyển sang Quỹ Hỗ trợ phát triển (hiện nay là VDB).

Tiết kiệm bưu điện: Đây là tổ chức thực hiện các loại hình huy động tiết kiệm nhỏ lẻ dựa trên

¹ Niên giám bảo hiểm Việt Nam 2013.

hệ thống bưu cục rộng khắp của Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Tháng 2/2011, được sự cho phép của Thủ tướng Chính phủ, Tổng công ty Bưu chính Việt Nam đã tham gia góp vốn vào Ngân hàng TMCP Liên Việt bằng giá trị Công ty Dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện (và bằng tiền). Tính đến hết năm 2012, số dư huy động tiết kiệm bưu điện đạt trên 10.200 tỷ đồng, tăng 3.700 tỷ đồng so với thời điểm trước sáp nhập.

Quỹ hỗ trợ phát triển và các quỹ đầu tư phát triển của các tỉnh, thành phố: Quỹ hỗ trợ phát triển là tổ chức cấp tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước (tín dụng chỉ định) cho các dự án. Từ năm 2006, Quỹ Hỗ trợ phát triển đã chuyển đổi sang mô hình ngân hàng phát triển (VDB) và vẫn trực thuộc Bộ Tài chính. Hiện VDB có tổng tài sản trên 178,6 nghìn tỷ đồng, với vốn điều lệ khoảng 10,8 nghìn tỷ đồng. Các quỹ đầu tư phát triển địa phương trực thuộc các Ủy ban Dân dân tỉnh, thành phố. Các quỹ này có nhiệm vụ cho vay các dự án theo định hướng phát triển của từng địa phương. VDB và các quỹ đầu tư phát triển của các địa phương hoạt động không chịu sự chi phối của Luật Các tổ chức tín dụng và không chịu sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước.

f. Các công cụ tài chính

Hiện tại trên thị trường tài chính Việt Nam có các loại công cụ tài chính sau:

Các khoản cho vay của các ngân hàng và các tổ chức tài chính khác: Phần này chiếm tỷ trọng chủ yếu trong việc phân phối vốn cho nền kinh tế.

Trái phiếu chính phủ: Các trái phiếu chính phủ được đấu thầu và giao dịch chủ yếu qua Sở GDCK Hà Nội. Ngoài ra trái phiếu chính phủ còn được phát hành thông qua hệ thống các kho bạc nhà nước địa phương.

Tín phiếu kho bạc: Loại này do Kho bạc nhà nước phát hành và được đấu giá chủ yếu thông qua thị trường mở của Ngân hàng nhà nước. Đây là một công cụ huy động nguồn vốn cho chi tiêu ngân sách rất quan trọng của chính phủ.

Trái phiếu đô thị: Do các chính quyền địa phương (tỉnh, thành phố) phát hành. Một số địa phương đã phát hành trái phiếu đô thị bao gồm TP.HCM, Hà Nội, Đồng Nai, và gần đây là Đà

Nẵng. Các địa phương khác thường huy động tín dụng quy kênh ngân hàng theo điều 8 khoản 3 của Luật Ngân sách 2002.

Trái phiếu công ty: Loại này tương đối ít, chủ yếu do các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính, và một số công ty lớn phát hành. Tính đến cuối quý I/2013, dư nợ trái phiếu tiền đồng của 15 công ty phát hành lớn nhất chiếm đến 96% tổng thị trường trái phiếu công ty tiền đồng. Trong số 15 công ty này, 6 công ty hoạt động trong lĩnh vực bất động sản chiếm 38% tổng dư nợ trái phiếu công ty.

Chứng chỉ tiền gửi: Theo phân loại trong các giao trình thì chứng chỉ tiền gửi là công cụ tài chính của thị trường tiền tệ, nhưng đặc trưng của Việt Nam, chứng chỉ tiền gửi là một loại giấy tờ có giá do các ngân hàng phát hành có thời hạn trên 1 năm với những đặc điểm tương tự như trái phiếu. Loại hình giấy tờ có giá do các ngân hàng thương mại phát hành có thời hạn dưới một năm được gọi là kỳ phiếu.

Cổ phiếu: Hiện ở Việt Nam đã có rất nhiều công ty cổ phần nên loại hình này tương đối phổ biến.

Hợp đồng mua lại chứng khoán: Các hợp đồng mua lại đã hình thành và đặc biệt trở nên phổ biến trong giai đoạn 2006-2007 gắn với giai đoạn phát triển nóng của thị trường chứng khoán.

Phiếu nợ thương mại (thương phiếu): Hiện đã có Luật các Công cụ chuyển nhượng (2005) quy định về việc phát hành, lưu thông, trao đổi, chuyển nhượng và chiết khấu thương phiếu, tuy nhiên nhìn chung đến nay, công cụ này vẫn rất hiếm khi được doanh nghiệp phát hành. Hối phiếu có ngân hàng chấp thuận: Hiện loại hình này thực hiện trong các giao dịch ngoại thương.

Vay liên ngân hàng: Đây là loại hình giao dịch rất phổ biến giữa các ngân hàng thương mại với nhau. Các loại hình cho vay phổ biến gồm, cho vay qua đêm, cho vay có kỳ hạn 3 tháng, 6 tháng.

Vay thế chấp mua bất động sản: Hiện ở Việt Nam đã có công cụ này và các ngân hàng thương mại cổ phần đi đầu trong việc cho vay theo phương thức này.

Các loại công cụ tài chính phái sinh

Hợp đồng kỳ hạn (Forward contract): Hiện trên thị trường Việt Nam có loại hình giao dịch này và chủ yếu là các hợp đồng mua bán ngoại tệ.

Hợp đồng tương lai (Future contract): Hiện ở Việt Nam chưa có.

Hoán đổi (Swap): Hiện ở Việt Nam đã có loại hình này, nhưng lượng giao dịch rất hạn chế. Các giao dịch chủ yếu được thực hiện trên thị trường ngoại hối. Các loại hình hoán đổi khác như lãi suất... hầu như chưa xuất hiện.

Quyền chọn: Hiện một số ngân hàng Việt Nam đã có loại hình giao dịch này, nhưng khối lượng giao dịch là rất hạn chế. Chưa có tổ chức tài chính nào thực sự bán quyền chọn mà chỉ thực hiện dưới hình thức là các trung gian.

g. Cơ sở hạ tầng tài chính

Hệ thống luật pháp và quản lý của nhà nước: Tính đến thời điểm hiện tại, với bối cảnh và điều kiện thực tiễn ở Việt Nam thì hệ thống luật pháp được đánh giá là tương đối đầy đủ để hệ thống tài chính hoạt động. Hiện đã có Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Ngân hàng Nhà nước, Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Chứng khoán. Tuy nhiên vấn đề quản lý nhà nước chưa thực sự đồng bộ và thống nhất. Một số tổ chức có quy mô hoạt động tín dụng rất lớn nhưng không chịu sự chi phối của Luật các Tổ chức tín dụng và chịu sự giám sát rất hạn chế của Ngân hàng Nhà nước như Ngân hàng Phát triển Việt Nam (tiền thân là Quỹ Hỗ trợ phát triển) và các quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Nguồn lực và thông lệ giám sát: Theo đánh giá thì nguồn lực và các thông lệ giám sát chưa đáp ứng nhu cầu cho hệ thống tài chính hoạt động lành mạnh, phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Cung cấp thông tin: Hiện nay các ngân hàng nói riêng, các tổ chức tài chính nói chung đang từng bước áp dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế. Các quy định về kiểm toán vẫn chưa thực sự đầy đủ và được tuân thủ một cách nghiêm ngặt. Hiện vẫn chưa có hệ thống lưu trữ thông tin tín dụng và tổ chức xếp loại tín dụng đủ độ tin cậy. Hiện trung tâm thông tin tín dụng (CIC) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang đảm nhận nhiệm vụ này. Tuy nhiên để trở thành một tổ chức có độ tin cậy cao thì CIC còn rất nhiều

việc phải làm.

Hệ thống thanh toán: Trước năm 2000, hầu hết các tổ chức tài chính ở Việt Nam sử dụng hệ thống thanh toán phân tán. Nhưng từ năm 2000 đến nay, các tổ chức tài chính, nhất là các ngân hàng thương mại đã xây dựng hệ thống thanh toán tập trung. Từ năm 2002, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã triển khai hệ thống thanh toán liên ngân hàng. Đây là một bước tiến trong việc áp dụng công nghệ thanh toán của hệ thống tài chính Việt Nam.

Hệ thống giám sát tài chính: chủ yếu tập trung vào công tác giám sát an toàn vĩ mô trên cơ sở giám sát tuân thủ hơn là giám sát dựa trên rủi ro. Vì vậy, hệ thống giám sát tài chính đi theo mô hình giám sát phân tán truyền thống với sự tách biệt của ba khu vực ngân hàng, bảo hiểm và chứng khoán. Dẫn đến một số vấn đề như: (i) hạn chế trong phối hợp giữa các chủ thể giám sát và các kênh giám sát; (ii) nhược điểm của hệ thống pháp lý về giám sát thị trường tài chính; (iii) bất cập trong năng lực giám sát chuyên ngành; (iv) bất cập về thông tin giám sát và công bố thông tin tài chính...

Bên cạnh đó, các chính sách, khuôn khổ, các công cụ phục vụ cho giám sát an toàn vĩ mô thị trường tài chính Việt Nam chưa hoàn thiện, khuôn khổ pháp lý cho chính sách an toàn vĩ mô chưa có, hệ thống chỉ tiêu giám sát an toàn vĩ mô mới chỉ đang trong giai đoạn nghiên cứu triển khai.

2. Một số giải pháp ổn định thị trường tài chính Việt Nam trong thời gian tới

a. Vai trò của Ngân hàng Nhà nước trong ổn định thị trường tài chính Việt Nam

Những khó khăn, vướng mắc trên đã đặt ra những áp lực lớn đối với NHNN trong việc thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ mà Chính phủ giao phó. Theo đó, trong thời gian tới, để hoàn thành tốt vai trò của mình, NHNN sẽ phải tập trung vào những giải pháp sau:

- NHNN nên tập trung vào lĩnh vực cụ thể, có thứ tự ưu tiên, tránh dàn trải vì đó là điều rất quan trọng trong việc sử dụng các nguồn lực để thực hiện hiệu quả chính sách ổn định hệ thống tiền tệ - tài chính.

- NHNN cần kiên định lập trường điều hành

CSTT chặt chẽ, thận trọng và linh hoạt để đạt được mục tiêu xuyên suốt đó là ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát ở mức thấp (xoay quanh 7%/năm), tạo điều kiện duy trì lãi suất thấp hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

- Tăng cường chuẩn mực an toàn trong hoạt động cho từng tổ chức tín dụng và cả hệ thống các TCTD gắn với tài cơ cấu hệ thống các tổ chức tín dụng; Tăng cường quyền lực và hoàn thiện cơ chế hoạt động cho VAMC để tăng cường năng lực, hiệu quả và tiến độ của xử lý nợ xấu ngân hàng.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng đến mọi đối tượng trong xã hội để định hướng thị trường và tạo sự đồng thuận cao trong xã hội góp phần đưa cơ chế, chính sách nhanh chóng đi vào cuộc sống, có hiệu quả tích cực hơn trong điều hành nền kinh tế.

Trong giai đoạn này, Chính phủ và SBV cần thực hiện các biện pháp để giải phóng nghĩa vụ chính sách cho các SOCB và đảm bảo hoạt động quản trị lành mạnh cho cả SOCB và ngân hàng tư nhân. Chức năng sở hữu và giám sát nên được sắp xếp thực hiện bởi các đơn vị khác nhau để đồng thời đảm bảo thực hiện một cách có hiệu quả quyền sở hữu và tính độc lập của công tác giám sát. Các SOCB cần hoạt động với nghĩa vụ, mục tiêu hoạt động và cấu trúc quản trị rõ ràng. Lý tưởng là hầu hết các nghĩa vụ và chức năng chính sách sẽ được chuyển giao cho các ngân hàng chính sách và các ngân hàng này cũng sẽ được tái cơ cấu về tài chính và hoạt động để thực hiện vai trò này một cách hiệu quả. Sự phát triển của trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu cơ sở hạ tầng cũng sẽ góp phần giải phóng các SOCB khỏi nghĩa vụ thực hiện chức năng chính sách và cho vay theo chỉ định, và như vậy sẽ nâng cao tính minh bạch. Việc sửa đổi Luật các tổ chức tín dụng và các quy định hỗ trợ khác cũng sẽ giúp tăng cường các chức năng quản trị chủ chốt, và SCB sẽ thực hiện yêu cầu bảo đảm phân định rõ ràng về vai trò quyền sở hữu, công tác giám sát của hội đồng quản trị, ban điều hành; các hội đồng độc lập và chuyên nghiệp; và chức năng quản lý rủi ro mạnh mẽ hơn.

b. Phát triển các thị trường

Nói tiếp những kết quả trên, nhằm phát huy

vai trò của TCTC trong bối cảnh tái cơ cấu nền kinh tế, trong thời gian tới cần tập trung vào một số giải pháp để phát triển KVTC, cụ thể như sau:

Thứ nhất, đối với các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính:

Tiếp tục triển khai các giải pháp nêu tại “Đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011-2015” được ban hành theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 01/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ; “Đề án Xử lý nợ xấu của hệ thống các TCTD” và Phát huy vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam.

- Đổi mới và hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp lý về hoạt động ngân hàng. Cụ thể, ban hành chuẩn mực an toàn vốn phù hợp với Basel II; Sửa đổi, bổ sung quy định về cấp tín dụng, phân loại nợ, trích lập; Hoàn thiện các văn bản hướng dẫn Luật Bảo hiểm tiền gửi và Luật Phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố; Hoàn thiện các quy định về cấp phép thành lập TCTD; Sửa đổi, bổ sung hệ thống kế toán của các TCTD phù hợp hơn với chuẩn mực kế toán quốc tế; Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2011 - 2015 theo Quyết định số 2459/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả thanh tra, giám sát ngân hàng thông qua việc hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng; Phát triển hệ thống giám sát theo tiêu chuẩn CAMELS - hệ thống đánh giá tình trạng vững mạnh của các TCTC và cảnh báo sớm trong hoạt động ngân hàng...;

- Tạo điều kiện cho các TCTD sáp nhập, hợp nhất, mua lại thông qua tìm kiếm, giới thiệu đối tác, cung cấp thông tin cho các TCTD có nhu cầu tham gia, hỗ trợ về kỹ thuật, pháp lý và thủ tục;

- Điều hành chủ động, linh hoạt, có hiệu quả các công cụ chính sách tiền tệ, tỷ giá, lãi suất theo nguyên tắc thị trường để bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng; Giảm thiểu rủi ro cho nền kinh tế, đồng thời góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững;

- Tiếp tục hiện đại hóa và phát triển đồng bộ hệ thống công nghệ ngân hàng. Đặc biệt, hệ

thống thông tin quản lý của NHNN và hệ thống thanh toán ngân hàng phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của các hệ thống thanh toán trọng yếu của Ngân hàng thanh toán quốc tế.

TTCK Việt Nam trong thời gian qua đã có những chuyển biến khá quan trọng, nhờ vào những tín hiệu ổn định kinh tế vĩ mô và các giải pháp tích cực trong lĩnh vực chứng khoán. Để đẩy mạnh hơn nữa, thời gian tới cần tiếp tục triển khai các giải pháp sau:

- Rà soát, đánh giá hệ thống văn bản pháp luật nhằm đẩy nhanh tiến trình tái cấu trúc và phát triển TTCK: Tiếp tục hoàn thiện các đề án như: Đề án TTCK phái sinh; Nghị định về TTCK phái sinh; Đề án thành lập Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và quyết định về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư (NDT) nước ngoài trên TTCK Việt Nam;

- Thực hiện tái cấu trúc cơ sở hàng hóa: Nâng cao chất lượng DN niêm yết, tăng cường tính minh bạch trên TTCK, đẩy nhanh cổ phần hóa, đầu giá cổ phần các DN nhà nước nhằm tạo hàng hóa có chất lượng cao cho thị trường;

- Thực hiện tái cấu trúc cơ sở NĐT và tái cấu trúc các tổ chức kinh doanh chứng khoán: Trên cơ sở phân loại và nâng cao chất lượng dịch vụ chứng khoán; Nâng cao năng lực tài chính, quản trị công ty, quản trị rủi ro, cho phép NĐT nước ngoài sở hữu các tổ chức kinh doanh theo các cam kết của Tổ chức Thương mại thế giới, khuyến khích các tổ chức tài chính quốc tế có uy tín tham gia;

Tiếp tục tái cấu trúc tổ chức quản lý thị trường: Xây dựng và hoàn thiện đề án, quyết định về tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam trên nguyên tắc thống nhất về chức năng như bộ máy quản lý và quản trị hoạt động; Cùng cố mô hình hoạt động độc lập của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo hướng bổ sung chức năng đối tác thanh toán trung tâm...

Thứ ba, đối với TTBH:

Trong năm 2014, TTBH được định hướng phát triển an toàn, hiệu quả và bền vững; Tiếp cận các chuẩn mực quốc tế; Nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu bảo hiểm cho các lĩnh vực kinh tế và dân cư; Góp phần ổn định nền kinh tế - xã hội. Theo đó, giải pháp áp dụng nhằm phát triển

TTBH trong thời gian tới cụ thể gồm:

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho sự phát triển của TTBH; Bổ sung các quy định về bảo hiểm bảo lãnh; Ban hành tiêu chí đánh giá, xếp loại DNBH; Ban hành quy định triển khai BHNT qua ngân hàng; Sửa đổi, bổ sung chế độ bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới; Phê duyệt các quy chế quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm; Nghiên cứu xây dựng chính sách phát triển BHNT dành cho người có thu nhập thấp;

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp tái cấu trúc DNBH theo đúng lộ trình; Tăng cường công tác quản lý, giám sát, đảm bảo mức độ an toàn vốn của các DNBH phù hợp với quy mô hoạt động, cơ cấu đầu tư và khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật; Tổ chức kiểm tra hoạt động chi trả, giải quyết quyền lợi cho khách hàng của các DNBH;

- Mở rộng, phát triển và nâng cao chất lượng sản phẩm bảo hiểm. Đồng thời, triển khai thí điểm bảo hiểm hưu trí tự nguyện. Đặc biệt là tăng cường hợp tác giữa các DNBH, khắc phục tình trạng trục lợi bảo hiểm và cạnh tranh không lành mạnh; Cùng cố bộ máy tổ chức, nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của Hiệp hội bảo hiểm...

d. Tái cơ cấu hệ thống giám sát tài chính

Với sự yếu kém trong giám sát tài chính, để bảo đảm an ninh tài chính với tính an toàn, hiệu quả trong hệ thống tài chính, một số định hướng giải pháp cung và theo từng chuyên ngành dưới đây cần thực hiện.

Tăng cường hiệu lực giám sát tuân thủ (thông qua việc thu hẹp các chuẩn mực trong nước với quốc tế (hoàn tất Basel II, tiến tới Basel III), đồng thời chuyển dần sang giám sát dựa trên rủi ro; qua đó, giảm thiểu các rủi ro toàn hệ thống và nâng cao hiệu quả giám sát toàn thị trường tài chính trong bối cảnh tự do hóa thương mại, đầu tư và tài chính.

Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan giám sát tài chính trong giám sát toàn bộ hệ thống tài chính, kể cả các tập đoàn tài chính đa năng. Trong ngắn hạn, cần xây dựng các quy chế về quy trình, tiêu chí giám sát chung giữa các cơ quan hữu quan và quy chế xác định

khung hợp tác giữa các cơ quan giám sát riêng với nhau.

Nâng cao năng lực giám sát của hệ thống hạ tầng công nghệ giám sát và năng lực của bộ máy nhân lực giám sát thông qua việc xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ, nhất quán và áp dụng công nghệ giám sát hiện đại để có thể cập nhật thông tin từ cơ sở được giám sát đến cơ quan giám sát một cách nhanh chóng.

Áp dụng rộng rãi chuẩn mực quốc tế và bảo đảm hiệu lực, chế tài thực thi cao trong áp dụng các chuẩn mực kế toán, kiểm toán quốc tế, báo cáo tài chính quốc tế và hệ thống thống kê; xây dựng, củng cố và phát triển các tổ chức xếp hạng tín nhiệm trong nước có năng lực, uy tín chuyên môn cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

■ CIEM (2015), Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ “Phòng ngừa và ứng phó với khủng hoảng tài chính: Lý luận, kinh nghiệm quốc tế và Bài học chính sách cho Việt Nam”.

■ Nguyễn Toàn Thắng (chủ nhiệm đề tài, 2010): Lý luận và thực tiễn về tự do hóa giao dịch tài chính và sự ổn định khu vực tài chính Việt Nam: Khuôn khổ chính sách đến năm 2020”. Đề tài cấp Nhà nước KX.01.15/06-10.

■ Nguyễn Xuân Trinh, Võ Trí Thành, Lê Xuân Sang (2010), Thị trường tài chính Việt Nam: Cái cách, phát triển và tầm nhìn 2020, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.

■ ADB (2005): Các cơ chế cảnh báo sớm khủng hoảng tài chính: Áp dụng cho khu vực Đông Á, Hà Nội.

■ Sách chuyên khảo: Tài chính phát triển của GS.TS. Nguyễn Thị Cảnh (Chủ biên), NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh – 2011.

■ Cuốn “The Economics of Money, Banking and Financial Markets”, 7th Edition của Frederic S. Mishkin, Đại học Columbia.

■ Bản dịch “Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính” của Nguyễn Quang Cư và Nguyễn Đức Dy.

■ IMF (2010), “Global Financial Stability Report – Market Update”, Monetary and Capital Markets Department, July 2010.